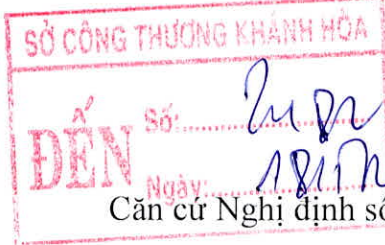


CÔNG TY TNHH BIA
SAN MIGUEL VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ
NỘP BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**



Kính gửi: Sở Công Thương Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 15/2018/ND-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn Thực phẩm trong đó có hướng dẫn về thủ tục đăng kí bản công bố sản phẩm và Nghị định 115/2018/ND-CP ngày 4/9/2018 về quy định xử phạt hành chính về ATTP;

Nay Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam đề nghị được nộp về Sở Công Thương Khánh Hòa bản tự công bố đối với sản phẩm: **PHỤ GIA THỰC PHẨM: CALCIUM CHLORIDE**

Hồ sơ gồm có:

1. Bản tự công bố sản phẩm số NK09/SMBVCL/2023
2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm
3. Giấy phép kinh doanh của Công ty
4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP

Công ty cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với chất lượng sản phẩm do Công ty tự công bố.

Rất mong nhận được sự hỗ trợ!

Diên Khánh, ngày *16* tháng 05 năm 2023

Giám đốc Nhà máy



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Nguyễn Phan Anh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: NK09/SMBVCL/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH BIA SAN MIGUEL VIỆT NAM**
2. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
3. Điện thoại: 0258 3745 406 / 3745 408 Fax: 0258 3745 635
4. E-mail: haismbvl@sanmiguel.com.vn
5. Mã số doanh nghiệp: 4200239466
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 05.22/GCNATTP-BCT, ngày cấp: 30/09/2022, Nơi cấp: Bộ Công Thương

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **PHỤ GIA THỰC PHẨM: CALCIUM CHLORIDE**
2. Thành phần: Calcium chloride (INS 509) > 95%
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm
3. Quy cách sản phẩm:
Thông số kỹ thuật: Khối lượng tịnh: 25 Kg
Chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong bao bì gồm 2 lớp: lớp ngoài là bao bì dệt PP, lớp trong là bao bì nhựa đảm bảo sản phẩm không tiếp xúc trực tiếp với không khí, phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm.
Quy cách bao gói: Calcium chloride dạng hạt được đựng trong bao bì nhựa hai lớp có khối lượng 25kg.
4. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:
Tên công ty: ZHEJIANG DACHENG CALCIUM CO., LTD
Địa chỉ: 6F. CENTURY MANSION.#463. CENTURY ROAD. QUZHOU CITY.
ZHEJIANG PROVINCE. TRUNG QUỐC 324007
5. Nhập khẩu bởi: Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam (Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa)



Trang/ Page No: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA1230500036-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH BIA SAN MIGUEL VIỆT NAM
Địa chỉ/ Client's Address : Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 28/04/2023
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 08/05/2023
Thông tin mẫu/ Name of Sample : PHỤ GIA THỰC PHẨM: CALCIUM CHLORIDE
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi zip
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Chì (Pb) (**) / Lead (Pb) (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.2	EVN-R-RD-2-TP - 19422 (2022)(Ref. AOAC 2015.01)
2	Asen (As) (**) / Arsenic (As) (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.1	EVN-R-RD-2-TP - 19422 (2022)(Ref. AOAC 2015.01)
3	Florua (F ⁻) (**) / Flouride (F ⁻) (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	15	CASE.TN.0091(Ref. USP/NF; FAO JECFA (monograph1)- Vo1.4; EP; BP; DDVN; AOAC 944.08 & TCVN 6195:1996; TCVN 5816:2009)

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- 3.GHPH/LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- 5.Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.

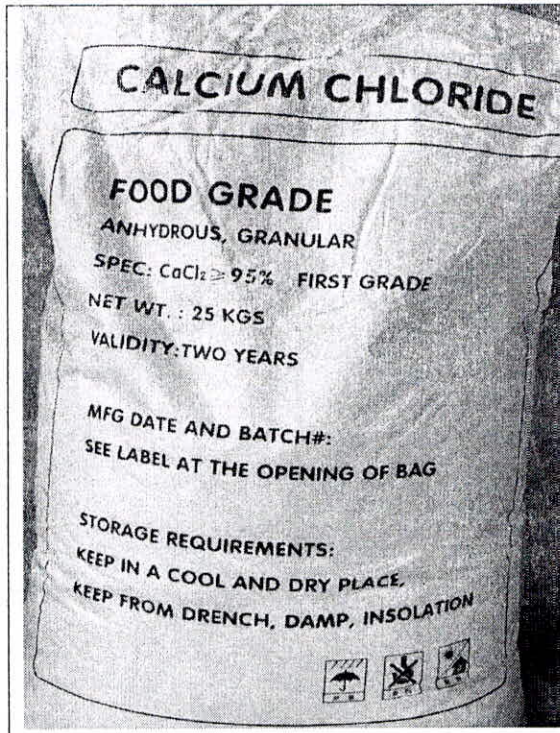
PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HỒ THỊ THANH PHƯƠNG



CALCIUM CHLORIDE

**BẢN DỊCH
TRANSLATION**

CẤP THỰC PHẨM
KHAN, DẠNG HẠT
THÔNG SỐ: $\text{CaCl}_2 \geq 95\%$
CẤP HẠO HẠNG
KHỐI LƯỢNG TỊNH: 25 KG
THỜI HẠN: HAI NĂM

NGÀY SẢN XUẤT VÀ LÔ SỐ:
XEM NHÃN TẠI PHẦN MỞ TÚI

YÊU CẦU BẢO QUẢN:
BẢO QUẢN Ở NƠI KHÔ RÁO,
THOÁNG MÁT.
TRÁNH NGẤM NƯỚC, ẨM ƯỚT, ÁNH
NẮNG.



Act



Bảng Dữ Liệu An Toàn
Nguyên Liệu

Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN NGUYÊN LIỆU

Đây là dịch vụ MSDS được cung cấp bởi JIANDE ANJIAN TESTING SERVICE CO., LTD.

Lưu ý:

Thông tin và các khuyến nghị được đưa ra với thiện ý và được cho là chính xác kể từ ngày trên tài liệu này. Thông tin và các khuyến nghị được đưa ra với điều kiện là người nhận sẽ tự đưa ra quyết định về sự an toàn và phù hợp cho mục đích của họ. Không có tuyên bố hay bảo đảm nào mà thể hiện hay ngụ ý về khả năng bán được, tính phù hợp cho một mục đích cụ thể hoặc bất kỳ bản chất nào khác, được đưa ra đối với sản phẩm hoặc thông tin và các khuyến nghị. Chúng tôi không đưa ra đại diện cho tính đầy đủ hoặc chính xác. Trong mọi trường hợp, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại dưới bất kỳ hình thức do việc sử dụng hoặc dựa vào thông tin và các khuyến nghị.



(Đã ký và đóng dấu)

Phê duyệt bởi: Brian Hu

Handwritten signature

Handwritten text at the top left of the page.



Main body of handwritten text on the left side of the page, consisting of several lines of cursive script.

Main body of handwritten text on the right side of the page, continuing the cursive script.

Lower section of handwritten text on the left side, appearing as a separate paragraph or entry.

Lower section of handwritten text on the right side, continuing the script.

Final lines of handwritten text at the bottom left of the page.

Final lines of handwritten text at the bottom right of the page.



Bảng Dữ Liệu An Toàn
Nguyên Liệu

Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)

1. SẢN PHẨM VÀ NHẬN BIẾT CÔNG TY

Tên sản phẩm: Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)
Sử dụng sản phẩm: Phụ gia thực phẩm

Thông tin nhà cung cấp

Tên Công ty: ZHEJIANG DACHENG CALCIUM CO. LTD
Địa chỉ: 6F. CENTURY MANSION. # 463. CENTURY ROAD. QUZHOU CITY.
ZHEJIANG PROVINCE. CHINA 324007
Điện thoại: 0086-570-8887181
Số fax: 0086-570-2941588
E-mail: sophia@dc-chem.cn
Điện thoại khẩn cấp: 13705704933

2. CẤU PHẦN/THÔNG TIN THÀNH PHẦN

Chất/Pha chế: Chất

Tên thành phần	Hàm lượng %	Số CAS	Số EC	CỤM TỪ NGUY CƠ
Calcium chloride	≥93	10043-52-4	233-140-8	Xi: R36
Kiểm tự do	≤0,25	-	-	-
Magiê và muối kim loại kiềm	≤5	-	-	-
Kim loại nặng	≤0,002	-	-	-
Chì	≤0,0005	7439-92-1	231-100-4	-
Thạch tín	≤0,0003	7440-38-2	231-148-6	T: R23/25 – N R50-53
Fluoride	≤0,004	-	-	-

Lưu ý: Mục 8 của bảng MSDS đối với dữ liệu giới hạn phơi nhiễm đối với các thành phần này. Toàn văn cụm từ rủi ro tại mục 2: xem tại mục 16

Bảng MSDS này chứa thông tin có giá trị quan trọng đối với việc xử lý an toàn và sử dụng sản phẩm đúng cách. Bảng MSDS này phải được giữ lại và có sẵn cho nhân viên và những người dùng khác của sản phẩm.

3. NHẬN BIẾT NGUY HIỂM

Tổng quan về tình trạng khẩn cấp

Màu sắc: Trắng hoặc trắng xám



Bảng Dữ Liệu An Toàn
Nguyên Liệu

Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)

Trạng thái vật lý: Hạt

Mùi: Không mùi

Mối nguy hiểm của sản phẩm:

THẬN TRỌNG: Có thể gây kích ứng mắt. Có thể gây kích ứng da. Có thể có hại nếu nuốt phải

Ảnh hưởng sức khỏe tiềm tàng

Tiếp xúc với mắt: Đối với chất rắn: Có thể gây kích ứng mắt nhẹ. Chỉ chấn thương cơ học. Nên tránh hình thành bụi vì bụi gây kích ứng mắt nghiêm trọng với tổn thương giác mạc.

Tiếp xúc với da: Tiếp xúc ngắn về cơ bản là không gây kích ứng da. Tiếp xúc lâu dài có thể gây kích ứng da, thậm chí bỏng. Không được phân loại là ăn mòn da theo hướng dẫn DOT. Có thể gây ra phản ứng nghiêm trọng hơn nếu da ẩm ướt. Có thể gây ra phản ứng nghiêm trọng hơn nếu da bị mài mòn (trầy xước hoặc cắt). Có thể gây ra phản ứng nghiêm trọng hơn trên vùng da được che phủ (dưới quần áo, găng tay)

Hấp thụ qua da: Việc tiếp xúc với da trong thời gian dài không có khả năng dẫn đến việc hấp thụ các lượng có hại.

Hít phải: Bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp trên (mũi và cổ họng).

Nuốt phải: Độc tính thấp nếu nuốt phải. Một lượng nhỏ vô tình nuốt phải do hoạt động xử lý thông thường không có khả năng gây thương tích, tuy nhiên, nuốt một lượng lớn hơn có thể gây thương tích. Nuốt phải có thể dẫn đến kích ứng hoặc loét đường tiêu hóa.

Ảnh hưởng của việc Phơi nhiễm nhiều lần: Đối với (các) thành phần phụ: Kali clorua. Ở động vật, các ảnh hưởng đã được báo cáo trên các cơ quan sau khi ăn: Đường tiêu hóa. Tim. Thận. Các mức liều lượng tạo ra các hiệu ứng này cao hơn nhiều lần so với bất kỳ mức liều lượng nào dự kiến do phơi nhiễm do sử dụng. Kinh nghiệm y tế với natri clorua đã chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa huyết áp cao và lạm dụng chế độ ăn uống kéo dài. Các tác dụng liên quan có thể xảy ra ở thận.

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Tiếp xúc với mắt: Rửa kỹ mắt bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng sau 1-2 phút đầu tiên và tiếp tục xả nước trong vài phút nữa. Nếu các hiệu ứng xảy ra, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ, tốt nhất là bác sĩ nhãn khoa. Có thể gây thương tích do tác động cơ học.

Tiếp xúc với da: Rửa sạch da với nhiều nước

Hít phải: Di chuyển người đến nơi có không khí trong lành: nếu xảy ra tác dụng phụ, hãy hỏi ý kiến bác sĩ.

Nuốt phải: Không gây nôn. Cho uống một cốc (8 ounces hoặc 240 ml) nước hoặc sữa nếu có và vận chuyển đến cơ sở y tế. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng trừ khi người đó hoàn toàn tỉnh táo.

Lưu ý dành cho bác sĩ: Do đặc tính gây kích ứng, việc nuốt phải có thể dẫn đến bỏng/loét miệng, dạ dày và đường tiêu hóa dưới dẫn đến chít hẹp sau đó. Hút chất nôn có thể gây tổn thương phổi. Đề nghị kiểm soát thực quản qua nội khí quản nếu đã tiến hành rửa. Nếu có vết bỏng, hãy xử lý như bất kỳ vết bỏng do nhiệt nào sau khi khử nhiễm. Không có thuốc giải độc đặc hiệu. Điều trị phơi nhiễm nên hướng vào việc kiểm soát các triệu chứng và tình trạng lâm sàng của bệnh nhân.



Bảng Dữ Liệu An Toàn
Nguyên Liệu

Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)

Bảo vệ nhân viên khẩn cấp: Nếu có khả năng phơi nhiễm, hãy tham khảo Phần 8 để biết thiết bị bảo vệ cá nhân cụ thể.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy: Chất liệu hộp thiếc không bị cháy. Nếu tiếp xúc với lửa từ nguồn khác, hãy sử dụng chất chữa cháy phù hợp cho đám cháy đó.

Quy Trình Chữa Cháy: Tránh xa mọi người. Cô lập lửa và từ chối ra vào không cần thiết. Vật liệu này không cháy. Chữa cháy cho các vật liệu khác đang cháy. Nước nên được sử dụng với số lượng lớn dưới dạng phun mịn.

Thiết Bị Bảo Hộ Đặc Biệt Cho Linh Cứu Hỏa: Mang thiết bị thở độc lập có áp suất dương (SCBA) và quần áo bảo hộ chữa cháy (bao gồm mũ bảo hộ chữa cháy, áo khoác, quần dài, ủng và găng tay). Tránh tiếp xúc với vật liệu này trong các hoạt động chữa cháy. Nếu có khả năng tiếp xúc, hãy thay đổi đến quần áo chữa cháy chống hóa chất đầy đủ với thiết bị thở khép kín. Nếu không có sẵn, hãy mặc đầy đủ quần áo chống hóa chất với thiết bị thở độc lập và chữa cháy từ một địa điểm xa. Đối với thiết bị bảo vệ trong các tình huống dọn dẹp sau hỏa hoạn hoặc không do hỏa hoạn. Tham khảo các phần có liên quan.

Nguy cơ cháy nổ bất thường: Nhiệt được tạo ra khi sản phẩm trộn với nước

Sản phẩm đốt cháy nguy hiểm: Không áp dụng

6. BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ TAI NẠN

Các bước cần thực hiện nếu vật liệu bị rò rỉ hoặc đổ tràn: Sự cố tràn nhỏ và lớn: Chứa vật liệu bị tràn, nếu có thể. Thu thập trong các thùng chứa phù hợp và được dán nhãn đúng cách. Xả cặn với nhiều nước. Xem Phần 13. Cân nhắc khi thải bỏ để biết thêm thông tin.

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân: Vật liệu bị đổ có thể gây ra nguy cơ trơn trượt. Khu cách ly. Ngăn không cho những người không cần thiết và không được bảo vệ vào khu vực. Sử dụng thiết bị an toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Phần 8. Kiểm soát Phơi nhiễm và Bảo vệ Cá nhân. Tham khảo Phần 7. Xử lý đối với biết các biện pháp phòng ngừa bổ sung.

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường: Ngăn không cho xâm nhập vào đất, mương, cống rãnh, đường thủy và/hoặc nước ngầm. Xem Phần 12. Thông tin Sinh thái

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Xử lý

Xử lý chung: Nhiệt sinh ra trong quá trình pha loãng hoặc hòa tan là rất cao. Sử dụng nước mát khi pha loãng hoặc hòa tan. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Không nuốt. Rửa kỹ sau khi xử lý. Giữ kín thùng chứa. Xem Phần 8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN.

Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo. Tránh nơi có độ ẩm.



8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC, BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt: Sử dụng kính an toàn. Đối với các hoạt động nhiều bụi hoặc khi xử lý các dung dịch của vật liệu, hãy đeo kính bảo hộ chống hóa chất.

Bảo vệ da: Mặc quần áo che cơ thể sạch sẽ.

Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay kháng hóa chất với vật liệu này. Nếu tay bị đứt hoặc trầy xước, hãy sử dụng găng tay kháng hóa chất với vật liệu này ngay cả khi tiếp xúc trong thời gian ngắn. Ví dụ về vật liệu găng tay ưu tiên bao gồm: Neoprene Polyvinyl clorua (“PVC” hoặc “vinyl”). Cao su nitrile/butadien (“nitrile” hoặc “NBR”). LƯU Ý: Việc lựa chọn một loại găng tay cụ thể cho một ứng dụng cụ thể và thời gian sử dụng tại nơi làm việc cũng phải tính đến tất cả các yếu tố liên quan tại nơi làm việc như nhưng không giới hạn ở: Các hóa chất khác có thể được xử lý, các yêu cầu về thể chất (bảo vệ chống cắt/đâm thủng, kéo léo, bảo vệ nhiệt), các phản ứng tiềm tàng của cơ thể đối với vật liệu làm găng tay, cũng như các hướng dẫn/thông số kỹ thuật do nhà cung cấp găng tay cung cấp.

Bảo vệ hô hấp: Nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp khi có khả năng vượt quá các yêu cầu hoặc hướng dẫn về giới hạn phơi nhiễm. Nếu không có yêu cầu hoặc hướng dẫn về giới hạn phơi nhiễm hiện hành, hãy đeo thiết bị bảo vệ hô hấp khi gặp phải các tác động bất lợi, chẳng hạn như kích ứng hoặc khó chịu về hô hấp hoặc khi quy trình đánh giá rủi ro của bạn chỉ ra. Trong môi trường nhiều bụi hoặc sương mù, hãy sử dụng mặt nạ phòng độc dạng hạt đã được phê duyệt. Sau đây là những loại mặt nạ phòng độc hiệu quả: Bộ lọc hạt.

Nuốt phải: Vệ sinh cá nhân tốt. Không tiêu thụ hoặc lưu trữ thực phẩm trong khu vực làm việc. Rửa tay trước khi hút thuốc hoặc ăn uống.

Kiểm soát kỹ thuật

Thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió cục bộ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để duy trì mức độ trong không khí dưới các yêu cầu hoặc hướng dẫn về giới hạn phơi nhiễm. Nếu không có yêu cầu hoặc hướng dẫn về giới hạn phơi nhiễm hiện hành, thông gió chung phải đủ cho hầu hết các hoạt động. Thông gió cục bộ có thể cần thiết cho một số hoạt động.

Hướng dẫn tiếp xúc

Tên thành phần	ACGIH	NIOSH	OSHA – PELs cuối
Calcium chloride	TWA 3 mg/m ³	Không quy định	TWA 3 mg/m ³

9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng thái vật lý: Hạt

Màu sắc: Trắng hoặc trắng xám

Mùi: Không mùi

Điểm chớp cháy cốc kín: Không áp dụng

Giới hạn dễ cháy trong không khí thấp hơn: Không áp dụng

Cặn trên: Không áp dụng



Bảng Dữ Liệu An Toàn
Nguyên Liệu

Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không áp dụng
Áp suất hơi: không đáng kể ở nhiệt độ môi trường
Điểm sôi (760 mmHg): Không áp dụng
Mật độ hơi (không khí = 1): Không áp dụng
Khối lượng riêng (H₂O-1): Không áp dụng cho chất rắn
Mật độ: -2.15 g.cm³ (25°C)
Điểm đóng băng: Không áp dụng cho chất rắn
Điểm nóng chảy: 772°C Xấp xỉ
Độ hòa tan trong nước (theo trọng lượng) Dễ hòa tan
pH: Không áp dụng cho chất rắn
Nhiệt độ phân hủy: Không áp dụng
Độ nhớt động học: Không áp dụng
Hút ẩm: Có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Sự ổn định / Sự không ổn định

Ổn định. Hút ẩm

Các điều kiện cần tránh: Không. Tránh ẩm ướt.

Vật liệu không tương thích: Nhiệt được tạo ra khi trộn với nước. Có thể xảy ra bắn tóe và đun sôi. Tránh tiếp xúc với: Axit sunfuric. Ăn mòn khi ướt. Hydro dễ cháy có thể được tạo ra khi tiếp xúc với các kim loại như: Kẽm Natri. Phản ứng của tạp chất bromide với các vật liệu oxy hóa có thể tạo ra các tạp chất ở mức độ vết như bromate.

Polime hóa độc hại

Sẽ không xảy ra

Phân hủy nhiệt

Không phân hủy

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính

Nuốt phải

Điển hình cho loại vật liệu này. LD50. Rat 918 - 1,668 mg/kg

Hấp thụ da

Đối với (các) thành phần chính: LD50. Rabbit > 5,000 mg/kg

Liều độc tính lặp lại

Đối với (các) thành phần phụ: Kali clorua. Ở động vật, các ảnh hưởng đã được báo cáo trên các cơ quan sau sau khi ăn: Đường tiêu hóa, Tim, Thận. Các mức liều lượng tạo ra các hiệu ứng này cao hơn nhiều lần so với bất kỳ mức liều lượng nào dự kiến do phơi nhiễm do sử dụng. Kinh nghiệm y tế với natri clorua đã cho thấy một mối liên hệ chặt chẽ



Bảng Dữ Liệu An Toàn
Nguyên Liệu

Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)

giữa huyết áp cao và lạm dụng chế độ ăn uống kéo dài. Hiệu ứng liên quan có thể xảy ra đối với thận.

Độc tính phát triển

Đối với (các) thành phần chính: Không gây dị tật bẩm sinh hoặc bất kỳ ảnh hưởng nào khác đến thai nhi trong phòng thí nghiệm động vật.

Độc tố di truyền

Dữ liệu được trình bày dành cho vật liệu sau: Canxi clorua (CaCl_2). Các nghiên cứu về độc tính di truyền trong ống nghiệm đều âm tính. Dữ liệu được trình bày dành cho vật liệu sau Kali clorua. Các nghiên cứu về độc tính di truyền trong ống nghiệm đều khả quan.

Tuy nhiên, sự liên quan của điều này với con người là không rõ. Đối với (các) thành phần phụ: Natri clorua. Các nghiên cứu về độc tính di truyền trong ống nghiệm chủ yếu là âm tính.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

SỐ PHẬN MÔI TRƯỜNG

Dữ liệu cho Thành phần: **Calcium chloride**

Chuyển động & Phân vùng

Không có sự tập trung sinh học do khả năng hòa tan trong nước tương đối cao. Phân vùng từ nước thành n-octanol không được áp dụng

Tính bền bỉ và khả năng phân hủy

Phân hủy sinh học không được áp dụng

ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Dữ liệu cho Thành phần: **Calcium chloride**

Vật liệu thực tế không độc hại đối với các sinh vật dưới nước trên cơ sở cấp tính

(**LC50/EC50/EL50/LL50 >100 mg/L ở những loài nhạy cảm nhất được thử nghiệm**).

Độc tính cấp tính và kéo dài đối với cá

LC50. mang xanh (*Lepomis macrochirus*): 8,350 – 10,650 mg/l

Độc tính cấp tính của động vật không xương sống dưới nước

LC50. bọ chết nước *Daphnia magna*: 759 - 3,005 mg/l

Độc tính đối với vi sinh vật

EC50: bùn hoạt tính, ức chế hô hấp: > 1.000 mg/l

13. CÂN NHẮC THẢI BỎ



Bảng Dữ Liệu An Toàn
Nguyên Liệu

Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)

Tất cả các thực hành xử lý phải tuân thủ với luật pháp và quy định của Liên bang, Nhà nước/Tỉnh và địa phương. Các quy định khác nhau ở các địa điểm khác nhau. Đặc tính của chất thải và việc tuân thủ các luật hiện hành là trách nhiệm của riêng người tạo ra chất thải.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Việc chuẩn bị không được phân loại là nguy hiểm

Tên vận chuyển thích hợp: NA
Hạng nguy hiểm: Không quy định
Nhóm đóng gói: NA
Mã số định danh: NA

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Quy định Châu Âu/Quốc tế

Biểu Tượng Nguy Hiểm: Xi

Cụm từ Rủi ro: R 36 Gây kích ứng mắt.
Cụm từ An toàn: S 22 Không hít bụi
S 24 Tránh tiếp xúc với da

WGK (Nguy hiểm/Bảo vệ Nước)

CAS#10043-52-4: 0

Tình trạng tồn kho

Tồn kho	Tình trạng
Châu Âu	Một hoặc nhiều thành phần được liệt kê trên EINECS
Hoa Kỳ	Một hoặc nhiều thành phần có trên TSCA
Canada	Một hoặc nhiều thành phần có trên DSL
Nhật Bản	Một hoặc nhiều thành phần có trên MITI
Hàn Quốc	Một hoặc nhiều thành phần có trên KECL
Úc	Một hoặc nhiều thành phần có trên AICS

16. THÔNG TIN KHÁC

Cụm từ rủi ro trong phần 2:

R36 Gây kích ứng mắt.
R23/25 Độc khi hít phải và nếu nuốt phải.
R50 Rất độc đối với thủy sinh vật



Bảng Dữ Liệu An Toàn
Nguyên Liệu

Calcium chloride (cấp phụ gia thực phẩm)

R5... Có thể gây tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước.

Ngày cấp: 02/03/2009

Thông tin và các khuyến nghị được đưa ra với thiện ý và được cho là chính xác kể từ ngày trên tài liệu này. Thông tin và các khuyến nghị được đưa ra với điều kiện là người nhận sẽ tự đưa ra quyết định về sự an toàn và phù hợp cho mục đích của họ. Không có tuyên bố hay bảo đảm nào mà thể hiện hay ngụ ý về khả năng bán được, tính phù hợp cho một mục đích cụ thể hoặc bất kỳ bản chất nào khác, được đưa ra đối với sản phẩm hoặc thông tin và các khuyến nghị. Chúng tôi không đưa ra đại diện cho tính đầy đủ hoặc chính xác. Trong mọi trường hợp, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại dưới bất kỳ hình thức do việc sử dụng hoặc dựa vào thông tin và các khuyến nghị.

* * * KẾT THÚC BẢNG MSDS * * *

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 09 tháng 05 năm 2023 (Ngày chín tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại trụ sở Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga; Địa chỉ tại: A4 – TT19 KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Tôi, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do ông Trương Công Đạt, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, Thành phố Hà Nội dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt** ;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông Trương Công Đạt;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập 03 (ba) bản chính, mỗi bản gồm 11 tờ, 11 trang, lưu 01 bản tại Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, Thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 1402 , quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/BD.

NGƯỜI DỊCH

Trương Công Đạt

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Thùy Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

o0o

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Chúng tôi là: CÔNG TY TNHH BIA SAN MIGUEL VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 4200239466

Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà: GEORGE STANLEY SOTTO MALVAR

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trụ sở: Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hiện tại Công ty chúng tôi đang tiến hành các thủ tục về công bố sản phẩm đối với sản phẩm thực phẩm do đơn vị chúng tôi nhập khẩu.

Kính đề nghị các cơ quan chức năng giải quyết các thủ tục liên quan đến hồ sơ công bố sản phẩm của công ty chúng tôi theo đúng quy định.

Trân trọng ./.

CÔNG TY TNHH BIA SAN MIGUEL VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Nguyễn Phan Anh Hải



CALCIUM CHLORIDE

FOOD GRADE

ANHYDROUS, GRANULAR

SPEC: $\text{CaCl}_2 \geq 95\%$ FIRST GRADE

NET WT. : 25 KGS

VALIDITY: TWO YEARS

MFG DATE AND BATCH#: SEE LABEL AT THE OPENING OF BAG

STORAGE REQUIREMENTS:
KEEP IN A COOL AND DRY PLACE,
KEEP FROM DRENCH, DAMP, INSOLATION



ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Nguyễn Phan Anh Hải



**Material
Safety Data Sheet**

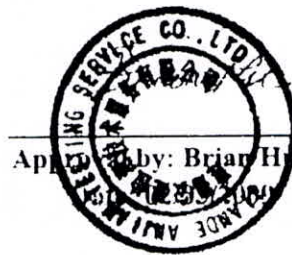
Calcium chloride (food additive grade)

MATERIAL SAFETY DATA SHEET

This MSDS Service is provided by JIANDE ANJIAN TESTING SERVICE CO., LTD.

Remarks:

This information and these recommendations are offered in good faith and believed to be correct as of the date hereof. Information and recommendations are supplied upon the condition that the recipients will make their own decision as to safety and suitability for their purposes. No representations or warranties, either expressed or implied, of merchantability, fitness for a particular purpose, or of any other nature, is made with respect to the product or the information and recommendations. We make no representation as to completeness or accuracy. In no event we shall be responsible for damages of any nature whatsoever resulting from the use or reliance upon the information and recommendations.





Material Safety Data Sheet

Calcium chloride (food additive grade)

1. PRODUCT AND COMPANY IDENTIFICATION

Product Name: Calcium chloride (food additive grade)

Product Use: Food additive

Supplier Information

Company Name: ZHEJIANG DACHENG CALCIUM CO., LTD

Address: 6F, CENTURY MANSION, #463, CENTURY ROAD, QUZHOU CITY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA 324007

Tel: 0086-570-8887181

Fax: 0086-570-2941588

Email: sophia@dc-chem.cn

Emergency Telephone: 13705704933

2. COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

Substance/Preparation: Substance

Ingredients Name	Content/%	CAS NO.	EC NO.	RISK PHRASES
Calcium chloride	≥93	10043-52-4	233-140-8	Xi; R36
Free Alkali	±0.25	-	-	-
Magnesium and alkali metal salts	±5	-	-	-
Heavy Metal	±0.002	-	-	-
Lead	±0.0005	7439-92-1	231-100-4	-
Arsenic	±0.0003	7440-38-2	231-148-6	T: R23/25 - N; R50-53
Fluoride	±0.004	-	-	-

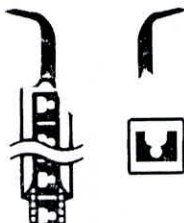
Note: See Section 8 of MSDS for exposure limit data for these ingredients. Full text of risk phrases appearing in section 2: see section 16

This MSDS contains valuable information critical to the safe handling and proper use of the product. This MSDS should be retained and available for employees and other users of the product.

3. HAZARDS IDENTIFICATION

Emergency Overview

Color: White or gray white





Material Safety Data Sheet

Calcium chloride (food additive grade)

Physical State: Granule

Odor: Odorless

Hazards of product:

CAUTION: May cause eye irritation. May cause skin irritation. May be harmful if swallowed.

Potential Health Effects

Eye Contact: For solid: May cause slight eye irritation. Mechanical injury only. Dust formation should be avoided, as dust can cause severe eye irritation with corneal injury.

Skin Contact: Brief contact is essentially nonirritating to skin. Prolonged contact may cause skin irritation, even a burn. Not classified as corrosive to the skin according to DOT guidelines. May cause more severe response if skin is damp. May cause more severe response if skin is abraded (scratched or cut). May cause more severe response on covered skin (under clothing, gloves).

Skin Absorption: Prolonged skin contact is unlikely to result in absorption of harmful amounts.

Inhalation: Dust may cause irritation to upper respiratory tract (nose and throat).

Ingestion: Low toxicity if swallowed. Small amounts swallowed incidentally as a result of normal handling operations are not likely to cause injury; however, swallowing larger amounts may cause injury. Swallowing may result in gastrointestinal irritation or ulceration.

Effects of Repeated Exposure: For the minor component(s): Potassium chloride. In animals, effects have been reported on the following organs after ingestion: Gastrointestinal tract, Heart, Kidney. Dose levels producing these effects were many times higher than any dose levels expected from exposure due to use. Medical experience with sodium chloride has shown a strong association between elevated blood pressure and prolonged dietary overuse. Related effects could occur in the kidneys.

4. FIRST AID MEASURES

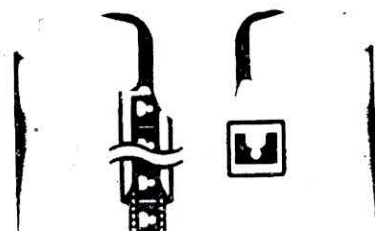
Eye Contact: Flush eyes thoroughly with water for several minutes. Remove contact lenses after the initial 1-2 minutes and continue flushing for several additional minutes. If effects occur, consult a physician, preferably an ophthalmologist. May cause injury due to mechanical action.

Skin Contact: Wash skin with plenty of water.

Inhalation: Move person to fresh air; if effects occur, consult a physician.

Ingestion: Do not induce vomiting. Give one cup (8 ounces or 240 ml) of water or milk if available and transport to a medical facility. Do not give anything by mouth unless the person is fully conscious.

Notes to Physician: Due to irritant properties, swallowing may result in burns/ulceration of mouth, stomach and lower gastrointestinal tract with subsequent stricture. Aspiration of vomitus may cause lung injury. Suggest endotracheal esophageal control if lavage is done. If burn is present, treat as any thermal burn, after decontamination. No specific antidote. Treatment of exposure should be directed at the control of symptoms and the clinical condition of the patient.





Material Safety Data Sheet

Calcium chloride (food additive grade)

Emergency Personnel Protection: If potential for exposure exists refer to Section 8 for specific personal protective equipment

5. FIRE FIGHTING MEASURES

Extinguishing Media: This material does not burn. If exposed to fire from another source, use suitable extinguishing agent for that fire

Fire Fighting Procedures: Keep people away. Isolate fire and deny unnecessary entry. This material does not burn. Fight fire for other material that is burning. Water should be applied in large quantities as fine spray.

Special Protective Equipment for Firefighters: Wear positive-pressure self-contained breathing apparatus (SCBA) and protective fire fighting clothing (includes fire fighting helmet, coat, trousers, boots, and gloves). Avoid contact with this material during fire fighting operations. If contact is likely, change to full chemical resistant fire fighting clothing with self-contained breathing apparatus. If this is not available, wear full chemical resistant clothing with self-contained breathing apparatus and fight fire from a remote location. For protective equipment in post-fire or non-fire clean-up situations, refer to the relevant sections

Unusual Fire and Explosion Hazards: Heat is generated when product mixes with water.

Hazardous Combustion Products: Not applicable.

6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

Steps to be Taken if Material is Released or Spilled: Small and large spills: Contain spilled material if possible. Collect in suitable and properly labeled containers. Flush residue with plenty of water. See Section 13, Disposal Considerations, for additional information.

Personal Precautions: Spilled material may cause a slipping hazard. Isolate area. Keep unnecessary and unprotected personnel from entering the area. Use appropriate safety equipment. For additional information, refer to Section 8,

Exposure Controls and Personal Protection. Refer to Section 7, Handling, for additional precautionary measures

Environmental Precautions: Prevent from entering into soil, ditches, sewers, waterways and/or groundwater. See Section 12 Ecological Information.

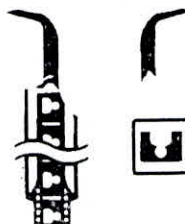
7. HANDLING AND STORAGE

Handling

General Handling: Heat developed during diluting or dissolving is very high. Use cool water when diluting or dissolving. Avoid contact with eyes, skin, and clothing. Do not swallow. Wash thoroughly after handling. Keep container tightly closed. See Section 8, EXPOSURE CONTROLS AND PERSONAL PROTECTION.

Storage

Store in a dry place. Protect from atmospheric moisture.





Material Safety Data Sheet

Calcium chloride (food additive grade)

8. EXPOSURE CONTROLS, PERSONAL PROTECTION

Personal Protection

Eye/Face Protection: Use safety glasses. For dusty operations or when handling solutions of the material, wear chemical goggles.

Skin Protection: Wear clean, body-covering clothing.

Hand protection: Use gloves chemically resistant to this material. If hands are cut or scratched, use gloves chemically resistant to this material even for brief exposures. Examples of preferred glove barrier materials include: Neoprene, Polyvinyl chloride ("PVC" or "vinyl"), Nitrile/butadiene rubber ("nitrile" or "NBR"). **NOTICE:** The selection of a specific glove for a particular application and duration of use in a workplace should also take into account all relevant workplace factors such as, but not limited to: Other chemicals which may be handled, physical requirements (cut/puncture protection, dexterity, thermal protection), potential body reactions to glove materials, as well as the instructions/specifications provided by the glove supplier.

Respiratory Protection: Respiratory protection should be worn when there is a potential to exceed the exposure limit requirements or guidelines. If there are no applicable exposure limit requirements or guidelines, wear respiratory protection when adverse effects, such as respiratory irritation or discomfort have been experienced, or where indicated by your risk assessment process. In dusty or misty atmospheres, use an approved particulate respirator. The following should be effective types of air-purifying respirators: Particulate filter.

Ingestion: Use good personal hygiene. Do not consume or store food in the work area. Wash hands before smoking or eating.

Engineering Controls

Ventilation: Use local exhaust ventilation, or other engineering controls to maintain airborne levels below exposure limit requirements or guidelines. If there are no applicable exposure limit requirements or guidelines, general ventilation should be sufficient for most operations. Local exhaust ventilation may be necessary for some operations.

Exposure guidelines

Ingredients Name	ACGIH	NIOSH	OSHA - Final PELs
Calcium chloride	TWA 3 mg/m ³	None established.	TWA 3 mg/m ³

9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

Physical State: Granule

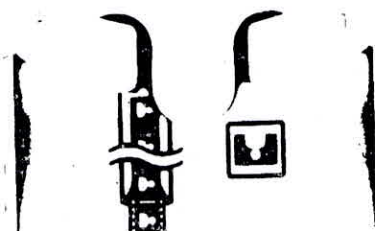
Color: White or gray white

Odor: Odorless

Flash Point - Closed Cup: Not applicable

Flammable Limits In Air Lower: Not applicable

Upper: Not applicable





Material Safety Data Sheet

Calcium chloride (food additive grade)

Autoignition Temperature: Not applicable
Vapor Pressure: Literature negligible at ambient temperature
Boiling Point (760 mmHg): Not applicable.
Vapor Density (air = 1): Not applicable
Specific Gravity (H₂O = 1): Not applicable to solids
Density: 2.15 g/cm³ (25°C)
Freezing Point: Not applicable to solids
Melting Point: 772 °C Literature Approximately
Solubility in water (by weight) Literature readily soluble
pH: Not applicable to solids
Decomposition Temperature: Not applicable.
Kinematic Viscosity: Not applicable
Hygroscopic: Yes

10. STABILITY AND REACTIVITY

Stability/Instability

Stable Hygroscopic.

Conditions to Avoid: None known. Avoid moisture.

Incompatible Materials: Heat is generated when mixed with water. Spattering and boiling can occur. Avoid contact with: Sulfuric acid. Corrosive when wet. Flammable hydrogen may be generated from contact with metals such as: Zinc, Sodium. Reaction of bromide impurity with oxidizing materials may generate trace levels of impurities such as bromate.

Hazardous Polymerization

Will not occur.

Thermal Decomposition

Does not decompose

11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

Acute Toxicity

Ingestion

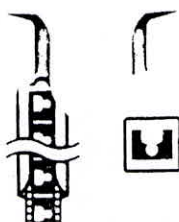
Typical for this family of materials. LD₅₀, Rat 918 - 1,668 mg/kg

Skin Absorption

For the major component(s). LD₅₀, Rabbit > 5,000 mg/kg

Repeated Dose Toxicity

For the minor component(s): Potassium chloride. In animals, effects have been reported on the following organs after ingestion: Gastrointestinal tract, Heart, Kidney. Dose levels producing these effects were many times higher than any dose levels expected from exposure due to use. Medical experience with sodium chloride has shown a strong association





Material Safety Data Sheet

Calcium chloride (food additive grade)

between elevated blood pressure and prolonged dietary overuse. Related effects could occur in the kidneys.

Developmental Toxicity

For the major component(s): Did not cause birth defects or any other fetal effects in laboratory animals.

Genetic Toxicology

The data presented are for the following material: Calcium chloride (CaCl_2). In vitro genetic toxicity studies were negative.

The data presented are for the following material Potassium chloride. In vitro genetic toxicity studies were positive.

However, the relevance of this to humans is unknown. For the minor component(s): Sodium chloride. In vitro genetic toxicity studies were predominantly negative.

12. ECOLOGICAL INFORMATION

ENVIRONMENTAL FATE

Data for Component: **Calcium chloride**

Movement & Partitioning

No bioconcentration is expected because of the relatively high water solubility. Partitioning from water to n-octanol is not applicable.

Persistence and Degradability

Biodegradation is not applicable.

ECOTOXICITY

Data for Component: **Calcium chloride**

Material is practically non-toxic to aquatic organisms on an acute basis.

(LC₅₀/EC₅₀/EL₅₀/LL₅₀ >100 mg/L in the most sensitive species tested).

Fish Acute & Prolonged Toxicity

LC₅₀, bluegill (*Lepomis macrochirus*): 8,350 - 10,650 mg/l

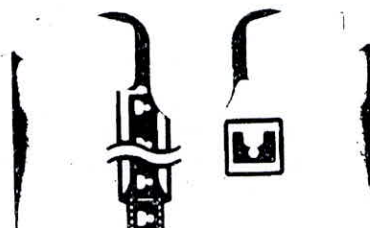
Aquatic Invertebrate Acute Toxicity

LC₅₀, water flea *Daphnia magna*: 759 - 3,005 mg/l

Toxicity to Micro organisms

LC₅₀, activated sludge, respiration inhibition: > 1,000 mg/l

13. DISPOSAL CONSIDERATIONS





Material Safety Data Sheet

Calcium chloride (food additive grade)

All disposal practices must be in compliance with all Federal, State/Provincial and local laws and regulations. Regulations may vary in different locations. Waste characterizations and compliance with applicable laws are the responsibility solely of the waste generator.

14. TRANSPORT INFORMATION

The preparation is not classified as dangerous

Proper shipping name: NA
 Hazard class: Not regulated
 Packing group: NA
 Identification number: NA

15. REGULATORY INFORMATION

European/International Regulations

Hazard Symbols: Xi
 Risk Phrases: R 36 Irritating to eyes.
 Safety Phrases: S 22 Do not breathe dust.
 S 24 Avoid contact with skin.

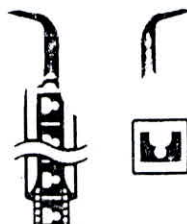
WGK (Water Danger/Protection)
 CAS# 10043-52-4: 0

Inventory Status

Inventory	Status
Europe	One or more ingredients are listed on EINECS
United States	One or more ingredients are on TSCA
Canada	One or more ingredients are on DSL
Japan	One or more ingredients are on MITI
South Korea	One or more ingredients are on KECL
Australia	One or more ingredients are on AICS

16. OTHER INFORMATION

Risk phrases in section 2:-
 R36 Irritating to eyes.
 R23/25 Toxic by inhalation and if swallowed.
 R50 Very toxic to aquatic organisms.





Material Safety Data Sheet

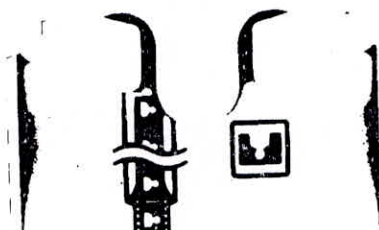
Calcium chloride (food additive grade)

R 50 May cause long-term adverse effects in the aquatic environment.

Issue Date: Mar 2, 2009

This information and these recommendations are offered in good faith and believed to be correct as of the date hereof. Information and recommendations are supplied upon the condition that the recipients will make their own decision as to safety and suitability for their purposes. No representations or warranties, either expressed or implied, of merchantability, fitness for a particular purpose, or of any other nature, are made with respect to the product or the information and recommendations. We make no representation as to completeness or accuracy. In no event we shall be responsible for damages of any nature whatsoever resulting from the use or reliance upon the information and recommendations.

*** END OF MSDS ***



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4200239466

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 11 năm 1994

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 10 tháng 03 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BIA SAN MIGUEL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAN MIGUEL BREWERY VIETNAM
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0583 745 407

Fax: 0583 745 635

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

1.263.489.046.000 đồng

*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm sáu mươi ba tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu không
trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*

Tương đương: 68.920.856,000 USD

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY DRAGON ISLAND INVESTMENT LIMITED		Vistra Corporate Services Centre, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, VG1110, British Virgin Islands	689.265.919.750	53,570	164389	

2	CÔNG TY SAN MIGUEL (VIETNAM) LIMITED		Clarendon House, 2 Church Street, Hamilton HM 11, Bermuda	574.223.126.25 0	46,430	EC 15608	
---	--	--	--	---------------------	--------	----------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: GEORGE STANLEY SOTTO MALVAR Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *29/06/1962* Dân tộc: Quốc tịch: *Philippines*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *P8523310A*

Ngày cấp: *29/08/2018* Nơi cấp: *Đại sứ quán Philippines tại Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *9A Tongonan, Napocor Village, Tandang Sora, Quezon City, Philippines*

Địa chỉ liên lạc: *307/29 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Căn hộ Jasmine Court, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

* Họ và tên: RICARDO STA. CRUZ PULIDO, JR. Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc tài chính*

Sinh ngày: *28/07/1967* Dân tộc: Quốc tịch: *Philippines*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *P5086876B*

Ngày cấp: *10/03/2020* Nơi cấp: *Đại sứ quán Philippines tại Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *7 Granada Street, Village East, Executive Homes, Cainta, Rizal, Philippines*

Địa chỉ liên lạc: *307/29 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Căn hộ Jasmine Court, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Nguyễn Phan Anh Hải



Kiều Lâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

BỘ CÔNG THƯƠNG
Chứng nhận

Cơ sở: **Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam**
Loại hình sản xuất: **Bia chai, Bia lon, Bia hơi**
Chủ cơ sở: **Ông Nguyễn Phan Anh Hải - Giám đốc nhà máy**
Địa chỉ sản xuất: **Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh,
Tỉnh Khánh Hòa**
Điện thoại: **0258 3745 406** – Fax: **0258 3745 635**

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Số cấp: **05.22/GCNATTP-BCT**
Giấy chứng nhận có hiệu lực
đến ngày **30/9/2025**.

Hà Nội, ngày **30 tháng 9 năm 2023**
TU. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Trần Việt Hòa

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Nguyễn Phan Anh Hải